

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09-02-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chảo Phù Hiền

2. Ông Khoàng Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 – Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 23 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vàng Thị G, sinh năm 1994, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bản V, xã M, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Anh Khang A T, sinh năm 1985, vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: Bản V, xã M, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vàng Thị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị G và anh Khang A T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 31/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên (Nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Điện Biên). Trước khi kết hôn anh, chị đã tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng khoảng 02 năm. Thời gian đầu sau khi kết hôn chị G và anh T chung sống hòa thuận, đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu

thuần. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh T chơi cờ bạc thua lỗ, gia đình gặp khó khăn về kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Do không thể chung sống cùng nhau được nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 3/2021, không ai quan tâm đến ai. Đến nay mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị G đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị G và anh T có 02 con chung chưa thành niên là cháu Khang Thị L, sinh ngày 08/9/2014 và Khang Công H, sinh ngày 31/01/2016. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cháu L và cháu H do chị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị G có nghề nghiệp là giáo viên mầm non, có thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng cả 02 con chung. Cháu L và cháu H đã trên 07 tuổi, cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do đó, chị G đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Khang A T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thụ lý và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Khang A T không có văn bản ghi ý kiến gửi đến Tòa án và cũng không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai của anh T. Tòa án đã đến nơi cư trú của anh Khang A T để xác minh thì được biết: Anh Khang A T có nơi thường trú tại bản V, xã M, tỉnh Điện Biên nhưng thường xuyên không có mặt ở nhà, chính quyền địa phương không nắm được đi đâu, làm gì. Do đó, Tòa án đã lập các biên bản sự việc, biên bản xác minh và niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của anh T, trụ sở Ủy ban nhân dân xã M và trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Điện Biên để anh T được biết.

Theo biên bản xác minh của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Điện Biên ngày 21/11/2025 tại bản V, xã M và biên bản ghi nhận sự việc tại Ủy ban nhân dân xã M, ông Mùa A D – Trưởng bản V và ông Phan Văn U – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M cho biết: Anh Khang A T và chị Vàng Thị G kết hôn ngày 31/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên (nay là xã M, tỉnh Điện Biên). Sau khi kết hôn anh, chị chung sống tại bản V, xã M, tỉnh Điện Biên. Quá trình chung sống đến tháng 3/2021 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống, kinh tế gia đình gặp khó khăn, anh T thường xuyên đi làm xa nhà, không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng anh T, chị G đã sống ly thân từ tháng 03/2021 đến nay, hiện chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không tuân thủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều

82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Vàng Thị G được ly hôn anh Khang A T; giao 02 con chung là cháu Khang Thị L, sinh ngày 08/9/2014 và Khang Công H, sinh ngày 31/01/2016 cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến nên không xem xét. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Vàng Thị G, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con do nguyên đơn là chị G khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025, do bị đơn anh Khang A T có nơi cư trú tại bản V, xã M, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

[3] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng chỉ có mặt nguyên đơn. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn cũng không đến Tòa án làm việc nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 4 Điều 207 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa mở ngày 23/01/2025, Tòa án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập nhưng bị đơn là anh Khang A T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 23/01/2025 và Giấy triệu tập đã được Tòa án nhân dân khu vực 5 – Điện Biên niêm yết đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa mở ngày 09/02/2025 bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Vàng Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị G và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 31/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên (nay là xã M, tỉnh Điện Biên), quá trình kết hôn không vi phạm điều cấm của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị G và anh T là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung

sống, anh T chơi cờ bạc thua lỗ, khiến cho kinh tế gia đình gặp khó khăn nhưng anh T không có biện pháp khắc phục, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2021, dẫn đến mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị G xin ly hôn với anh T là có căn cứ. Để đảm bảo quyền lợi cho chị G, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị G được ly hôn với anh T.

[5] *Về nuôi con chung*: Chị G và anh T có 02 con chung chưa thành niên là cháu Khang Thị L, sinh ngày 08/9/2014 và Khang Công H, sinh ngày 31/01/2016, kể từ khi 02 vợ chồng sống ly thân, chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị G có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung, cháu L và cháu H đều đã trên 07 tuổi cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Chị G có nghề nghiệp là giáo viên mầm non, có thu nhập đủ để đảm bảo nuôi dưỡng cả 02 con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, quyết định giao cả 02 con chung cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động là phù hợp với quyền lợi về mọi mặt của con. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung, nợ chung*: Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn chị G có đơn xin miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm do là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn là xã M, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị G được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Vàng Thị G được ly hôn với bị đơn anh Khang A T.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là Khang Thị L, sinh ngày 08/9/2014 và Khang Công H, sinh ngày 31/01/2016 cho chị Vàng Thị G trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Vàng Thị G được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 5 – Điện Biên;
- Phòng GD, KT, TT&THA;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND xã M (nơi ĐKKH);
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Sao

